

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2019/HC-ST

Ngày: 17/6/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hàn Hoà Thuận.

2/ Ông Trần Ngọc Thực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 4, ngày 16 tháng 5 và ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 177/2016/TLST-HC ngày 28/10/2016 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1502/2019/QĐST-HC ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2586/2019/QĐST-HC ngày 22/4/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3296/2019/QĐST-HC ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Văn N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 567 quốc lộ B, khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979 (có mặt).

(Giấy ủy quyền số 027565 ngày 26/12/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1).

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân F (có yêu cầu tiến hành thủ tục tố tụng vắng mặt).

Địa chỉ: 86 G, phường H, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 55 đường L, phường S, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E.

Địa chỉ: 43 đường Q, phường R, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hữu Anh T- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E (có yêu cầu vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 176/GUQ-UBND ngày 13/01/2017).

3/ Ủy ban nhân dân quận E.

Địa chỉ: 43 đường Q, phường R, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hữu Anh T- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E (có yêu cầu vắng mặt)

(Giấy ủy quyền số 3350/GUQ-UBND ngày 17/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E:

3.1/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 55 đường L, phường S, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: 93/4 T, Khu phố Y, phường S, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1942.

Địa chỉ: 565 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Bà Trần Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 565 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 011863 ngày 24/6/2016 lập tại Văn phòng Công chứng Đông Thành phố).

2/ Ông Trần Văn C, sinh năm 1967

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Trần Văn U, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 122A Khu phố Z, phường W, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông C, ông U, bà Th, bà T, bà L:

Ông Trần Văn V, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 012234 ngày 29/6/2016 lập tại Văn phòng Công chứng Đông Thành phố).

7/ Ông Trần Văn V, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 571 Quốc lộ B, Khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà Trịnh Thị Hữu D, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: 567 quốc lộ B, khu phố C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979 (có mặt).

(Giấy ủy quyền số 027566 ngày 26/12/2016 lập tại Phòng Công chứng số 1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/8/2016, biên bản đối thoại, các lời trình bày tại tòa, người khởi kiện ông Trần Văn N có bà Nguyễn Thị Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1998, Ủy ban nhân dân quận E có thu hồi một phần đất của gia đình ông N tại thửa đất 343, 344, 345, 347 tờ bản đồ số 02, phường D, quận E (TL 02/CT-UB). Tuy nhiên, tại thời điểm đó gia tộc ông N có phát sinh tranh chấp

nên việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bị thu hồi bị tạm ngưng, chờ đến khi giải quyết tranh chấp xong thì mới chi trả tiền bồi thường hỗ trợ.

Theo Quyết định số 56/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/11/2000 (gọi tắt là QĐ 56) của Ủy ban nhân dân quận E và Quyết định số 8071/QĐ-UB ngày 04/12/2001 (gọi tắt là QĐ 8071) của Ủy ban nhân dân F thì khu đất diện tích 1.207 m² thuộc một phần các thửa 343, 344, 345, 347 tờ bản đồ số 02, phường D, quận E (TL 02/CT-UB) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị N, bà Trần Thị Đ và ông N. Theo đó bà N được sử dụng phần diện tích là 410,1 m²; bà Đ sử dụng diện tích là 454 m²; ông N sử dụng diện tích là 342,9 m². Thực hiện theo QĐ 8071 của Ủy ban nhân dân F có Bản đồ hiện trạng vị trí số 144A/ĐĐBĐ/2002 ngày 05/3/2002.

Đến năm 2002, bà Đ được Ủy ban nhân dân quận E bồi thường, hỗ trợ một phần đất bị giải tỏa diện tích 289m², nhưng không bồi thường cho ông N, không đồng ý nên ông N khiếu nại.

Ngày 01/12/2014, Ủy ban nhân dân quận E ban hành Quyết định số 8508/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 8508) về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong việc thu hồi phần đất diện tích 52,5 m² thuộc khu đất nêu trên trong Dự án nâng cấp đường V cho bà N, bà Đ và ông N, tổng số tiền là 143.152.094 đồng. Trong đó bồi thường về đất ở đơn giá là 900.000 đồng/m². Tuy nhiên, phần đất 52,5 m² lại nằm trong phần đất diện tích 342,9 m² mà ông N được hưởng.

Không đồng ý với quyết định trên, ông N làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E. Ngày 25/3/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1198/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 1198) với nội dung bác đơn khiếu nại của ông N.

Không đồng ý, ông N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân F. Ngày 10/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân F ban hành Quyết định số 6731/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 6731) với nội dung công nhận và giữ nguyên QĐ 1198 và không chấp nhận yêu cầu của ông N.

Phần đất của bà N, bà Đ và ông N bị thu hồi diện tích thực tế là 67m² nhưng QĐ số 8508 của Ủy ban nhân dân quận E chỉ hỗ trợ, bồi thường với phần đất bị thu hồi là 52.5 m². Hơn nữa, việc thu hồi đất vào thời điểm năm 2014 nhưng lại áp giá bồi thường đất ở chỉ 900.000 đồng/m² theo giá bồi thường năm 2001 là không phù hợp.

Do đó, ngày 18/12/2015 ông N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận E yêu cầu hủy QĐ 8508.

Ngày 24/8/2016, ông N có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy QĐ 1198 ngày 25/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về việc giải quyết khiếu

nại và hủy QĐ 6731 ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết khiếu nại của Ngh.

Ngày 09/9/2016, Tòa án nhân dân quận E ban hành quyết định chuyển vụ án đến Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Quyết định số 165A/2017/QĐST-DS ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân quận E về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó bà Trần Thị N, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị T đồng ý trả lại cho ông N phần đất diện tích là 27,1 m² (được đánh số thứ tự (9) theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số 122890/ĐĐBĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 16/5/2017. Ông N được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận khoản chi trả bồi thường, hỗ trợ và các quyền lợi phát sinh đối với phần đất trong Dự án nâng cấp đường V trên địa phận Việt Nam theo quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ số 8508/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND quận E.

Nay ông N yêu cầu hủy các quyết định:

1/ Quyết định số 8508/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận E về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V;

2/ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về việc giải quyết khiếu nại của ông N;

3/ Quyết định số 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông N.

Căn cứ để yêu cầu hủy các quyết định là diện tích bị thu hồi là 67,2m² nhưng UBND quận E chỉ bồi thường diện tích 52,5m² là không đúng; việc bồi thường năm 2014 nhưng áp giá 900.000đồng/m² là không đảm bảo quyền lợi nên yêu cầu được bồi thường với đơn giá đất ở là 8.000.000 đồng/m².

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân F có yêu cầu vắng mặt và có ý kiến trình bày tại Văn bản số 1113/UBND-NCPC ngày 07/3/2017:

Cơ sở pháp lý để Chủ tịch Ủy ban nhân dân F ban hành QĐ số 6731:

Căn cứ Khoản b.1.2 Điều 3 của Phương thức và đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất ở của Quy định về đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại và bố trí tái định cư trong Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành kèm theo Quyết định số 5957/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/11/1998);

Căn cứ Quyết định số 8071/QĐ-UBND ngày 04/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố với nội dung: “Công nhận Quyết định số 72/QĐ-UB ngày 03/4/2001 của Ủy ban nhân dân quận E. Bác nội dung khiếu nại của bà N, bà Đ, ông N tranh chấp quyền sử dụng 116 m² đất đối với bà Trần Thị B và đòi hưởng tiền đền bù 69,75 m² đất với ông Nguyễn Văn H là đúng pháp luật”.

Căn cứ quy định nêu trên, phần đất có diện tích 52,5 m² đã được lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất từ năm 1998, có nguồn gốc là đất ở nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc Ủy ban nhân dân quận E bồi thường cho ông N phần diện tích này với đơn giá 900.000 đồng/m² x 0,95 và hỗ trợ lãi xuất ngân hàng với số tiền 98.264.594 đồng (theo quy định tại Văn bản 2618/UBND ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố), là đúng chính sách. Do đó, việc ông N khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 52,5 m² với đơn giá 8.000.000 đồng/m² là không có cơ sở.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6731 ngày 10/12/2015 công nhận và giữ nguyên QĐ 1198 là không công nhận đơn của ông N yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất ở với diện tích 52,5 m² với đơn giá 8.000.000 đồng/m² thuộc Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn quận E.

Do đó, việc ông N yêu cầu hủy QĐ 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên QĐ số 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và bác đơn khởi kiện của ông N yêu cầu hủy quyết định nêu trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận E có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu Anh T có yêu cầu vắng mặt. Có ý kiến tại Văn bản số 270/UBND-GPMB ngày 19/01/2017 và Văn bản số 3905/UBND-GPMB ngày 22/8/2018.

Thời điểm triển khai Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn quận E năm 1998 tại khu đất 1.001,8m² (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Đoàn đo đạc bản đồ lập tháng 7 năm 1998 thuộc một phần thửa đất số 28, số hiệu mảnh bản đồ gốc 10, phần diện tích 52,5m²/1.001,8m² ghi tên chủ sử dụng chung là ông Trần Văn S) và phát sinh việc tranh chấp quyền sử dụng đất trong gia tộc ông Trần Văn S (trong đó có ông Trần Văn N).

Ngày 17 tháng 11 năm 2000, Ủy ban nhân dân quận E ban hành QĐ số 56 về giải quyết tranh chấp trong gia tộc ông Trần Văn S, theo đó công nhận các phần đất diện tích đất thuộc một phần các thửa 343 – 344 – 345 – 347, tờ bản đồ số 2, phường D, quận E như sau:

- Hộ bà Trần Thị B: diện tích khoảng 116m² (đã xây dựng nhà);
- Hộ ông Nguyễn Văn H: diện tích khoảng 69,75m² (trong ranh giải tỏa). Ông H được nhận tiền đền bù theo quy định.

- Bà Trần Thị N, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn N: diện tích 1.207m². Trong đó:

- + Hộ bà Trần Thị N: diện tích 132m²;
- + Hộ bà Trần Thị Đ: diện tích 121m²;
- + Hộ ông Trần Văn N: diện tích 103m²;
- + Phần đất trống: diện tích 851m²;

Tổng diện tích đất công nhận cho các hộ là: 1.392,75m².

Không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp nêu trên, ông Nguyễn Ngọc L và ông Trần Văn S khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E.

Ngày 03 tháng 4 năm 2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E ban hành Quyết định số 72/QĐ-UB (gọi tắt là QĐ 72) với nội dung giữ nguyên QĐ 56 ngày 17/11/2000.

Sáu đó, bà N, bà Đ và ông N tiếp tục khiếu nại QĐ 72. Ngày 04 tháng 12 năm 2001, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 8071/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 8071) với nội dung: *“Công nhận QĐ số 72/QĐ-UB ngày 03 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân quận E. Bác nội dung đơn khiếu nại của bà N, bà Đ và ông N tranh chấp quyền sử dụng 116m² đất đối với bà Trần Thị B và đòi hưởng tiền đền bù 69,75m² đất với ông Nguyễn Văn H là đúng pháp luật”*.

Năm 2003, 2005 và năm 2011, ông N có đơn yêu cầu được nhận tiền bồi thường phần đất bị giải tỏa trong Dự án nâng cấp đường V.

Ngày 02 tháng 03 năm 2012, Ủy ban nhân dân quận E ban hành Công văn số 490/UBND- GPMB về việc trả lời kiến nghị của ông N đề nghị bồi thường 50m² là không có cơ sở giải quyết. Không đồng ý, ông N tiếp tục khiếu nại.

Ngày 10 tháng 07 năm 2013, Ủy ban nhân dân quận E ban hành Thông báo số 494/UBND-GPMB về việc tạm ngưng thụ lý giải quyết khiếu nại đối với ông N, lý do: Ủy ban nhân dân quận E đang mời các ngành thẩm tra, xác minh để có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2014, Ủy ban nhân dân quận E ban hành QĐ 8508 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V, trên địa bàn quận E đối với bà N, bà Đ và ông N, với tổng số tiền 143.152.094 đồng. Trong đó:

- + Bồi thường đất ở: $52,5\text{m}^2 \times 900.000\text{đồng/m}^2 \times 0,95 = 44.887.500$ đồng
- + Hỗ trợ lãi suất ngân hàng: 98.264.594 đồng.

Căn cứ khoản b.1.2, Điều 3 của Phương thức và đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất của Quy định về đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại và bố trí tái định cư trong Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5957/QĐ-UB-QLĐT ngày 09 tháng 11 năm 1998).

Căn cứ QĐ số 8071/QĐ-UB ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trên cơ sở đó, phần đất có diện tích $52,5m^2$ đã được lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất từ năm 1998, có nguồn gốc là đất ở nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc Ủy ban nhân dân quận E bồi thường cho ông N phần diện tích này với đơn giá ($900.000 \text{ đồng}/m^2 \times 0,95$) và hỗ trợ lãi xuất ngân hàng với số tiền 98.264.594 đồng (việc hỗ trợ lãi suất được tính theo Văn bản số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố), là đúng chính sách.

Không đồng ý ông N đã khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E ban hành QĐ 1198 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại lần 2 tại QĐ số 6731/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015, với nội dung: *“không công nhận đơn của ông Trần Văn N yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất ở với diện tích $52,5m^2$ với đơn giá $8.000.000 \text{ đồng}/m^2$ thuộc Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn quận E”*.

Do vậy, Ủy ban nhân dân quận E đề nghị giữ nguyên QĐ số 8508/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014.

* Ngày 22/8/2018 UBND quận E có Văn bản số 3905 về bổ sung ý kiến như sau:

Tại các Đơn ngày 05/5/2003; ngày 09/4/2005; ngày 30/01/2011 và tờ tường trình ngày 20/12/2012 ông N yêu cầu được nhận tiền bồi thường diện tích khoảng $50m^2$ trong Dự án nâng cấp đường V. Qua rà soát ngày 16/6/2014 Thanh tra quận có văn bản số 456/TTQ kiến nghị UBND quận xem xét áp giá bồi thường phần đất chưa được đền bù thuộc phạm vi đường Xuyên Á cho các ông, bà N, Đ, Ngh theo qui định diện tích là $68,94m^2$. Sau đó, UBND quận được Chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án M (nay chuyển thành Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng giao thông C) cung cấp hồ sơ tách diện tích để trình duyệt dự toán thời điểm ngày 26/8/2002 thể hiện $52,5m^2$ tên ông Trần Văn N.

Từ cơ sở trên, UBND quận E xác định trong tổng diện tích do Thanh tra quận đề xuất chỉ có $52,5m^2$ thuộc phạm vi đất a3 và a4 được bồi thường, phần diện tích còn lại $16,44m^2$ ($68,94m^2 - 52,5m^2$) thuộc phạm vi lề đường tại thời điểm triển khai dự án (a2) theo qui định tại khoản 4, điều 1 Bản qui định ban hành kèm theo quyết định số 5687/QĐUB-QLĐT ngày 09/11/1998 của UBND thành phố Hồ Chí Minh, sẽ không tính đền bù thiệt hại về đất.

Về đối tượng đứng tên hồ sơ bồi thường, UBND quận căn cứ quyết định số 56 ngày 17/11/2000 của UBND quận E xác định đối tượng đứng tên là các ông,

bà N, Đ, Ngh. Đây là phần diện tích chung trong tổng diện tích 851m² của các ông bà nêu trên sử dụng chung, không phải diện tích riêng biệt trong khuôn viên của ông N.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu Anh T có yêu cầu vắng mặt. Có ý kiến trình bày tại Văn bản số 426/UBND-GPMB ngày 08/02/2017.

Trong phạm vi giải tỏa để thực hiện Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại phường D, quận E. Bằng vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á theo Quyết định số 476/TTg ngày 03/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 3237/CHĐ ngày 24/10/1997 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch giải phóng mặt bằng và tái định cư cho Dự án nâng cấp đường V và Quyết định số 4722/QĐ-UB-QLĐT ngày 12/9/1998 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở các hộ dân cư, vật kiến trúc, cơ quan, đơn vị Nhà nước và Tổ chức khác nằm trong phạm vi quy hoạch đầu tư Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại phường D. Trường hợp các hộ dân bị ảnh hưởng trong khu đất 1.001m² được thể hiện trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Đoàn đo đạc bản đồ lập tháng 07 năm 1998, một phần số hiệu thửa đất 28, số hiệu mảnh bản đồ gốc 10 ghi tên chung chủ sử dụng là ông Trần Văn S.

Tại thời điểm triển khai dự án tại khu đất này phát sinh việc tranh chấp Quyền sử dụng đất trong gia tộc ông Trần Văn S vụ việc đã được giải quyết theo Quyết định giải quyết tranh chấp đất số 56/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/11/2000 của UBND quận E.

Không đồng ý, ông Nguyễn Ngọc L, ông Trần Văn S khiếu nại QĐ số 56/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/11/2000. Ngày 03/4/2001, UBND quận E ban hành QĐ số 72/QĐ-UB với nội dung giữ nguyên QĐ số 56/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/11/2000.

Không đồng ý bà N, bà Đ và ông N khiếu nại QĐ số 72. Ngày 04/12/2001, UBND Thành phố ban hành QĐ số 8071/QĐ-UB theo đó bác đơn khiếu nại của bà N, bà Đ, ông N.

Ngày 05/5/2003, ngày 19/4/2005 và ngày 31/01/2011, ông N làm đơn yêu cầu được nhận tiền bồi thường phần đất bị giải tỏa trong Dự án nâng cấp đường V.

Ngày 02/3/2012, UBND quận E ban hành Công văn số 490/UBND-GPMB về việc trả lời đơn kiến nghị của ông N: “...Việc ông đề nghị bồi thường 50m² là không có cơ sở giải quyết...”.

Ngày 28/3/2013, ông N khiếu nại Văn bản số 490. Ngày 10/7/2013, Ủy ban nhân dân Quận ban hành Thông báo số 494/TB-UBND về việc tạm ngưng thụ lý giải quyết khiếu nại đối với ông N, lý do: UBND Quận đang mời các ngành thẩm tra, xác minh để có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ngày 10/6/2014, UBND phường D ban hành Công văn số 276/UBND về việc báo cáo nguồn gốc quá trình sử dụng đất:.

Ngày 17/9/2014, Văn phòng UBND Quận ban hành Thông báo số 1130/TB-VP về kết luận của Hội đồng Bồi thường - Giải phóng mặt bằng quận E tại cuộc họp ngày 03/9/2014 nội dung: “...*Thống nhất đề xuất của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đối với việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất 68,94m² chưa bồi thường trong dự án Nâng cấp mở rộng đường Xuyên Á như sau:*

+ *Đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ: các ông bà Trần Thị Đ, Trần Thị N, Trần Văn N (lập hồ sơ bồi thường chung).*

+ *Phương án lập bản vẽ kỹ thuật: cần thể hiện rõ vị trí và diện tích phần đất đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn H; thể hiện chung khu vực diện tích gồm 289m² đã bồi thường cho bà Trần Thị Đ, diện tích 157,11m² đã bồi thường cho bà Trần Thị B và diện tích chưa bồi thường là 68,94m².*

+ *Chính sách bồi thường: giao Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng kiểm tra lại hộ các Ông, bà Trần Văn N, Trần Thị Đ, Trần Thị N. Nếu xác định được các hộ là những đối tượng đủ điều kiện được lập hồ sơ theo hạn mức đất ở của 03 hộ là (600m²) thì xem xét phần diện tích đã bồi thường đất ở và diện tích nhà ở còn lại ngoài ranh giải tỏa cho 03 hộ trên đã vượt quá 600m² hay chưa nếu chưa vượt hạn mức thì xem xét bồi thường 68,94m² cho đủ hạn mức đất ở của tổng cộng 03 hộ nhưng phải có ý kiến đề nghị lựa chọn của hộ dân. Nếu đã vượt quá hạn mức thì xem xét bồi thường 68,94m² theo chính sách đất nông nghiệp trồng cây lâu năm...”.*

Ngày 22/10/2014, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng có tổ chức cuộc họp để xem xét trường hợp của ông Trần Văn N. Trong cuộc họp có ông Nguyễn Ngọc L đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án M (Nay chuyển thành Tổng công ty Đầu tư Phát triển Quản lý dự án Hạ tầng giao thông C) ông L xác định trước đây có lập hồ sơ bồi thường cho trường hợp ông Trần Văn N là 52,5m² nhưng chưa chi trả (*Bảng kê chi tiết đền bù cho các hộ dân Đợt 11, mã hộ dân 592 ngày 26/8/2002, tổng giá trị bồi thường của 52,5m² là 44.887.500đồng*).

Ngày 28/11/2014, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Tờ trình số 645/TTr-GPMB về việc chi trả tiền bồi thường - hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà N, bà Đ, ông N như sau:

“...1/ *Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà N, bà Đ, ông N có phần diện tích đất tại khu phố C, phường D, quận E bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp đường V với số tiền cụ thể như sau:*

- Bồi thường đất theo Bảng kê chi tiết đền bù cho các hộ dân (Đợt 11) được lập ngày 26/8/2002 với nội dung:

Mã hộ dân 592

Theo Quyết định số 5957/QĐ-UB ngày 09/11/1998 của UBND Thành phố
- Đơn giá đất ở. Bồi thường đất ở: $52,5m^2 \times 0,95 \times 900.000\text{đồng}/m^2 = 44.887.500\text{ đồng}$.

- Hỗ trợ lãi suất theo Công văn số 2618/UBND-ĐTMT ngày 25/4/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự án thực hiện bồi thường dở dang trước ngày Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007, lãi suất được tính từ ngày 20/4/2001 (Ngày cục giám định & QLCL CTGT-Chi cục phía Nam ban hành Quyết định số 112/CCGD về việc chấp thuận kinh phí đền bù để thực hiện Dự án nâng cấp đường V) đến ngày ký Quyết định chi trả giá trị bồi thường 01/12/2014 (Theo Phiếu tính lãi đính kèm). Số tiền lãi: 98.264.594 đồng.

Tổng trị giá bồi thường hỗ trợ: 143.152.094 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi hai ngàn không trăm chín mươi bốn đồng).

Ngày 01/12/2014, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành QĐ số 8508 về việc chi trả tiền bồi thường - hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V trên địa phận thành phố Hồ Chí Minh đối với bà N, bà Đ, ông N, với tổng số tiền 143.152.094 đồng.

Không đồng ý ông N khiếu nại và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E giải quyết tại QĐ số 1198 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại lần 2 tại QĐ số 6731 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông N.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E đề nghị giữ nguyên QĐ số 1198.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N có đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn U, bà Trần Thị Kim T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Văn V có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hữu D có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Có cùng ý kiến với ông N, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành cho các bên đối thoại với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Người khởi kiện ông Trần Văn N có bà Nguyễn Thị Q đại diện theo ủy quyền xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy các quyết định:

1/ Quyết định số 8508/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận E về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V;

2/ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về việc giải quyết khiếu nại của ông N;

3/ Quyết định số 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông N.

Căn cứ để yêu cầu hủy các quyết định là diện tích bị thu hồi là 76,2m² nhưng UBND quận E chỉ bồi thường diện tích 52,5m² là không đúng; việc bồi thường năm 2014 nhưng áp giá 900.000đồng/m² là không đảm bảo quyền lợi nên yêu cầu được bồi thường với đơn giá đất ở là 8.000.000 đồng/m².

* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân F có yêu cầu vắng mặt. Giữ nguyên ý kiến tại Văn bản số 1113/UBND-NCPC ngày 07/3/2017.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân F xác định: Yêu cầu khởi kiện của ông N là không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân quận E có yêu cầu vắng mặt. Giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân quận E xác định: Yêu cầu khởi kiện của ông N là không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N có đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn U, bà Trần Thị Kim T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Văn V có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hữu D có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Q trình bày: Có cùng ý kiến với ông N, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N là có cơ sở xem xét chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 193 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Ngày 18/12/2015 ông N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận E yêu cầu hủy QĐ số 8508.

Ngày 24/8/2016, ông N có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy QĐ số 1198/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về việc giải quyết khiếu nại và hủy QĐ số 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết khiếu nại.

Ngày 09/9/2016, Tòa án nhân dân quận E ban hành QĐ số 18/2016/HCST chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đơn khởi kiện của ông N là đúng thẩm quyền quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ông N nhận được QĐ số 8508, không đồng ý với quyết định này nên ông N có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E.

Ngày 25/3/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E ban hành Quyết định số 1198 về việc giải quyết khiếu nại của ông N.

Không đồng ý với quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E, ông N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân F.

Ngày 10/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân F ban hành Quyết định số 6731 về việc giải quyết khiếu nại của ông N (lần 2).

Do không đồng ý với các quyết định trên nên ngày 18/12/2015 và ngày 24/8/2016 ông N có đơn khởi kiện, yêu cầu hủy các quyết định trên. Căn cứ các quy định của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông N còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân F; Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E và Ủy ban nhân dân quận E yêu cầu vắng mặt khi xét xử và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N có đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn U, bà Trần Thị Kim T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Văn V có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[4] Về thẩm quyền và trình tự ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân quận E ban hành QĐ 8508; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E ban hành QĐ 1198 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân F ban hành QĐ 6731 về việc giải quyết khiếu nại của ông N (lần 2), việc ban hành các quyết định nêu trên là không trái quy định của pháp luật.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay xác định:

Theo Quyết định số 476/TTg ngày 03/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 3237/CHĐ ngày 24/10/1997 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch giải phóng mặt bằng và tái định cư cho Dự án nâng cấp đường V và Quyết định số 4722/QĐ-UB-QLĐT ngày 12/9/1998 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở các hộ dân cư, vật kiến trúc, cơ quan, đơn vị Nhà nước và Tổ chức khác nằm trong phạm vi quy hoạch đầu tư Dự án nâng cấp đường V trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại phường D.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Đoàn đo đạc bản đồ lập tháng 07 năm 1998 thì khu đất $1.001,8m^2$ ($52,5m^2/1.001,8m^2$) thuộc một phần số hiệu thửa đất 28, số hiệu mảnh bản đồ gốc 10 thuộc phạm vi giải tỏa của Dự án nâng cấp đường V, được ghi tên chủ sử dụng chung là ông Trần Văn S và có phát sinh việc tranh chấp quyền sử dụng đất trong gia tộc ông Trần Văn S (trong đó có ông Trần Văn N).

Căn cứ QĐ số 56/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân quận E về giải quyết tranh chấp đất trong gia tộc ông Trần Văn S, theo đó công nhận các phần đất diện tích đất thuộc một phần các thửa 343 – 344 – 345 – 347, tờ bản đồ số 2, phường D, quận E như sau:

- Hộ bà Trần Thị B: diện tích khoảng $116m^2$ (đã xây dựng nhà);
- Hộ ông Nguyễn Văn H: diện tích khoảng $69,75m^2$ (trong ranh giải tỏa đường Xuyên Á). Ông H được nhận tiền đền bù theo quy định.
- Bà Trần Thị N, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn N: diện tích $1.207m^2$.
Trong đó:
 - + Hộ bà Trần Thị N: diện tích $132m^2$;
 - + Hộ bà Trần Thị Đ: diện tích $121m^2$;
 - + Hộ ông Trần Văn N: diện tích $103m^2$;
 - + Phần đất trống: diện tích $851m^2$ cho các ông, bà N, Đ, Ngh được sử dụng chung.

Tổng diện tích đất công nhận cho các hộ là: $1.392,75m^2$.

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UB ngày 03 tháng 4 năm 2001 (gọi tắt là QĐ số 72) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về giải quyết đơn khiếu nại giải quyết tranh chấp đất, theo đó giữ nguyên QĐ số 56 ngày 17 tháng 11 năm 2000.

Căn cứ Quyết định số 8071/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (gọi tắt là QĐ 8071) với nội dung: “*Công nhận QĐ số 72/QĐ-UB ngày 03 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân quận E.*”

Căn cứ Quyết định số 165A/2017/QĐST-DS ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân quận E về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì ông N được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận khoản chi trả bồi thường, hỗ trợ và các quyền lợi phát sinh đối với phần đất trong Dự án nâng cấp đường V trên địa phận Việt Nam theo quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ số 8508/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của UBND quận E.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xuất trình tài liệu chứng cứ là bản vẽ số 18943/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 20-5-2014 do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường TP.HCM lập theo yêu cầu của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận E - có áp ranh giải toả tuyến Xa lộ Xuyên Á; áp ranh kiến trúc theo bản vẽ số 144A/ĐĐBĐ/2002 do Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng đo đạc M lập ngày 05/3/2002 để thực hiện Quyết định số 8071/QĐ-UB của Chủ tịch UBND.TP.HCM; ranh theo bản vẽ số 144A/ĐĐBĐ/2002 do Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng đo đạc M lập ngày 05/3/2002 để thực hiện Quyết định số 8071/QĐ-UB của Chủ tịch UBND.TP.HCM; ranh theo bản đồ hiện trạng vị trí ban hành kèm theo QĐ số 56/QĐ-UB-ĐT ngày 17-11-2000 của UBND quận Thủ Đức; ranh thửa đất 28 theo hồ sơ kỹ thuật năm 1998; ranh mép nhựa hồ sơ kỹ thuật năm 1998 và ranh giới đất cho ông N hướng dẫn. Và Hội đồng xét xử đã công khai tài liệu chứng cứ này tại phiên toà và ông N cũng đồng ý với bản vẽ này. Xét, theo bản vẽ này thể hiện phần diện tích đất của ông N nằm trong ranh bị thu hồi là $68,94m^2$.

Xét, yêu cầu của ông N hủy QĐ 8508; QĐ số 1198 và QĐ số 6731, ông N cho rằng phần đất bị thu hồi diện tích thực tế là $67,2m^2$ nhưng QĐ số 8508 của Ủy ban nhân dân quận E chỉ hỗ trợ, bồi thường đối với phần đất bị thu hồi là $52.5 m^2$ là không đúng và việc thu hồi đất vào thời điểm năm 2014 nhưng lại áp giá bồi thường đất ở chỉ 900.000 đồng/ m^2 theo giá bồi thường năm 2001 là không phù hợp nên yêu cầu được bồi thường với đơn giá đất ở là 8.000.000 đồng/ m^2 – Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Đối với ý kiến của ông N cho rằng phần đất bị thu hồi diện tích thực tế là $67,2m^2$ nhưng QĐ 8508 của Ủy ban nhân dân quận E chỉ hỗ trợ, bồi thường đối với phần đất bị thu hồi là $52.5 m^2$ – Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Bảng kê chi tiết đền bù cho các hộ dân Đợt 11, mã hộ dân 592 đã được lập vào ngày 26/8/2002, tổng giá trị bồi thường của 52,5m² là 44.887.500đồng. Theo lời khai của người bị kiện và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND quận E xác nhận ngày 22/10/2014, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng có tổ chức cuộc họp để xem xét trường hợp của ông N, tại cuộc họp có ông Nguyễn Ngọc L đại diện chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án M (nay chuyển thành Tổng công ty Đầu tư Phát triển Quản lý dự án Hạ tầng giao thông C) xác định trước đây có lập hồ sơ bồi thường cho trường hợp ông Trần Văn N là 52,5m² nhưng chưa chi trả theo *Bảng kê chi tiết đền bù cho các hộ dân Đợt 11, mã hộ dân 592 ngày 26/8/2002, tổng giá trị bồi thường của 52,5m² là 44.887.500đồng.* Theo người bị kiện UBND quận E và Chủ tịch UBND quận E thì phần diện tích 52,5m² thuộc phạm vi đất a3 và a4 được bồi thường, phần diện tích còn lại 16,44m² (68,94m² - 52,5m²) thuộc phạm vi lề đường tại thời điểm triển khai dự án (a2) theo qui định tại khoản 4, điều 1 Bản qui định ban hành kèm theo quyết định số 5687/QĐUB-QLĐT ngày 09/11/1998 của UBND thành phố Hồ Chí Minh, không tính đền bù thiệt hại về đất.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Đoàn đo đạc bản đồ lập tháng 07 năm 1998 thì khu đất 1.001,8m² (69,75m²/1.001,8m²) thuộc một phần số hiệu thửa đất 28, số hiệu mảnh bản đồ gốc 10 thuộc phạm vi giải tỏa của Dự án nâng cấp đường V, được ghi tên chủ sử dụng chung là ông Trần Văn S (trong đó có ông Nguyễn Văn H) và biên bản áp giá đối với hộ dân Nguyễn Văn H- Mã hộ dân: 148- đền bù đất ở diện tích 69,75m².

Xét, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND quận E và Chủ tịch UBND quận E đều thừa nhận phần đất của ông Nguyễn Văn H có vị trí nằm trước phần đất của ông Trần Văn N và không nằm trong phạm vi lề đường, ranh a2 (đất của Ông H tiếp giáp với đường) và theo bản vẽ số 18943/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 20-5-2014 do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường TP.HCM lập, nhận thấy UBND quận E xác định phần diện tích 52,5m² thuộc phạm vi đất a3 và a4 được bồi thường, phần diện tích còn lại 16,44m² (68,94m² - 52,5m²) thuộc phạm vi lề đường tại thời điểm triển khai dự án (a2) nên không tính đền bù thiệt hại về đất là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông N.

* Đối với ý kiến của ông N cho rằng việc thu hồi đất vào thời điểm năm 2014 nhưng lại áp giá bồi thường đất ở chỉ 900.000 đồng/m² theo giá bồi thường năm 1999 là không phù hợp nên yêu cầu được bồi thường với đơn giá đất ở là 8.000.000 đồng/m² – Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần đất diện tích 52,5 m² đã được lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất từ năm 1998, có nguồn gốc là đất ở nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như trên đã nhận định, theo Bảng kê chi tiết đền bù cho các hộ dân Đợt 11, mã hộ dân 592 đã được lập vào ngày 26/8/2002, tổng giá trị bồi thường phần diện tích đất 52,5m² là 44.887.500 đồng.

Theo Văn bản số 3905 ngày 22/8/2018 - UBND quận E trình bày: “Tại các Đơn ngày 05/5/2003; ngày 09/4/2005; ngày 30/01/2011 và tờ tường trình ngày 20/12/2012 ông N yêu cầu được nhận tiền bồi thường diện tích khoảng 50m² trong Dự án nâng cấp đường V. Qua rà soát ngày 16/6/2014 Thanh tra quận có văn bản số 456/TTQ kiến nghị UBND quận xem xét áp giá bồi thường phần đất chưa được đền bù thuộc phạm vi đường Xuyên Á cho các ông, bà N, Đ, Ngh theo qui định diện tích là 68,94m². Sau đó, UBND quận được Chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án M (nay chuyển thành Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng giao thông C) cung cấp hồ sơ tách diện tích để trình duyệt dự toán thời điểm ngày 26/8/2002 thể hiện 52,5m² tên ông Trần Văn N. Từ cơ sở trên, UBND quận E xác định trong tổng diện tích do Thanh tra quận đề xuất chỉ có 52,5m² thuộc phạm vi đất a3 và a4 được bồi thường, phần diện tích còn lại 16,44m² (68,94m² - 52,5m²) thuộc phạm vi lề đường tại thời điểm triển khai dự án (a2) theo qui định tại khoản 4, điều 1 Bản qui định ban hành kèm theo quyết định số 5687/QĐUB-QLĐT ngày 09/11/1998 của UBND thành phố Hồ Chí Minh, sẽ không tính đền bù thiệt hại về đất. Về đối tượng đứng tên hồ sơ bồi thường, UBND quận căn cứ quyết định số 56 ngày 17/11/2000 của UBND quận E xác định đối tượng đứng tên là các ông, bà N, Đ, Ngh. Đây là phần diện tích chung trong tổng diện tích 851m² của các ông bà nêu trên sử dụng chung, không phải diện tích riêng biệt trong khuôn viên của ông N.

Ủy ban nhân dân quận E căn cứ vào quyết định giải quyết tranh chấp đất số 56, 72 và 8071 để ban hành QĐ số 8508 bồi thường cho các ông bà N, Đ, Ngh phần diện tích này với đơn giá 900.000 đồng/m² x 0,95 và hỗ trợ lãi xuất ngân hàng với số tiền 98.264.594 đồng (theo quy định tại Văn bản 2618/UBND ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Như trên đã nhận định thì việc chậm ban hành quyết định bồi thường và chi trả bồi thường cho ông N là do lỗi của UBND quận E.

Theo qui định tại khoản 2, điều 9 NĐ 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ qui định: “Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”

Theo QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND TP qui định về bảng giá đất năm 2014 ở khu vực Thủ Đức, đơn giá 3.200.000 đồng/m². Như vậy, giá đất tại thời điểm bồi thường do UBNDTP công bố năm 2014 cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất, do vậy, UBND quận E phải ban hành QĐ bồi thường cho ông N theo đơn giá đất ở do UBND.TP.HCM ban hành năm 2014 là 3.200.000 đồng/m².

Việc ông N yêu cầu bồi thường theo đơn giá đất ở năm 2014 là 8.000.000 đồng/m² là không có cơ sở để chấp nhận.

Như trên đã nhận định thì UBND quận E ban hành QĐ 8508 bồi thường cho ông N là không đúng qui định của pháp luật, do vậy nên các QĐ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân F là không đúng pháp luật nên cần phải hủy các quyết định này.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần buộc UBND quận E có trách nhiệm ban hành QĐ bồi thường cho ông N theo đúng qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

1/ Hủy Quyết định số 8508/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận E về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong Dự án nâng cấp đường V;

2/ Huỷ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E về việc giải quyết khiếu nại của ông N;

3/ Huỷ Quyết định số 6731/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông N.

Buộc Ủy ban nhân dân quận E có trách nhiệm ban hành quyết định bồi thường cho ông Trần Văn N theo qui định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân F, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận E, Ủy ban nhân dân quận E mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng cho ông N theo Biên lai thu số AE/2014/0007850 ngày 25/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA dân sự quận E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú